

Đ, ngày 16 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Như Q, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A- Đ, Khu phố B, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Anh Trương Quang T, sinh năm 1996; địa chỉ: Số F- M, Khu phố D, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Như Q và anh Trương Quang T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Như Q và anh Trương Quang T, thuận tình ly hôn.

Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2022 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 26/9/2022 (được cải chính ngày 01/4/2024), chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (Ngày 16/5/2024).

2.2 Về con chung: Giao cho chị Võ Thị Như Q quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Anh K, sinh ngày 25/7/2022.

Anh Trương Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Trương Anh K), với mức 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng trên tháng), thời gian cấp dưỡng

kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi cháu K thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Anh Trương Quang T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

**2.3 Về tài sản chung:** Chị Võ Thị Như Q và anh Trương Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.4 Về án phí:** Chị Võ Thị Như Q thuận chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng số tiền án phí chị Q phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng chẵn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 theo Biên lai thu số 0000237 ngày 20/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. (Chị Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Đông Hà;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- UBND phường 2, TP Đông Hà;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tập dán án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Quốc Huy**